

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ

NGUYỄN THỊ TRÀ MY*

Nguyên tắc “Bảo đảm tranh tụng trong xét xử” lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015, đây là bước tiến rất lớn không những trong pháp luật tố tụng dân sự mà còn là khâu đột phá của hoạt động tư pháp Việt Nam nói chung. Trên cơ sở nguyên tắc này, BLTTDS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả việc tranh tụng trong xét xử. Một trong những yếu tố quyết định đến bảo đảm tranh tụng trong TTDS là cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động tranh tụng, trong đó phải kể đến vai trò của Viện kiểm sát nhân dân góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án để Tòa án dựa trên kết quả của quá trình tranh tụng đưa ra được phán quyết đúng đắn, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ khóa: Tranh tụng, đảm bảo tranh tụng, tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân.

That “Ensure advocacy in adjudication” principle is first regulated in the 2015 Civil Proceeding Code is not only a great step of civil proceeding law but also a breakthrough of Vietnamese judicial activity in general. Basing on this principle, the 2015 Civil Proceeding Code has amended and supplemented many regulations to effectively ensure advocacy in adjudication. One of determinants for this principle in civil proceeding is the examination and supervision mechanism of litigation activities, including the role of the People’s Procuracy which contributes to clarifying the cases’ objective truths. From the litigation process results, the Court can make correct verdicts that ensure the involved parties’ legitimate rights and interests.

Keywords: Advocacy, ensuring advocacy, civil procedures, the People’s Procuracy.

1. Một số vấn đề về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử vụ án dân sự

Theo từ điển Hán Việt thì “tranh tụng” có nghĩa là “cãi lẽ, cãi nhau để tranh lấy lẽ phải”¹, theo từ điển tiếng Việt thì tranh tụng có nghĩa là “kiện tụng”², còn theo từ điển Luật học của Viện khoa học pháp lý, Nhà xuất bản Tư pháp năm 2005 thì “Tranh tụng là hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng có quyền

bình đẳng với nhau trong việc đưa ra chứng cứ để bảo vệ quan điểm và lợi ích của mình, phản bác lại quan điểm và lợi ích của phái đối lập”. Như vậy, theo cách hiểu chung nhất thì tranh tụng là việc từng bên đưa ra các quan điểm của mình và tranh luận lại để bác bỏ một phần hay toàn bộ quan điểm của phía bên kia. Trên cơ sở kết quả tranh tụng, Tòa án đưa ra phán quyết cuối cùng bảo đảm tính khách quan của vụ án.

Nhằm thể chế hóa quan điểm cải cách tư pháp của Đảng về nâng cao chất lượng

¹ Trung tâm ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam Bộ giáo dục và đào tạo (1998), Đại từ điển Tiếng Việt, Nxb Văn hóa – thông tin, Hà Nội, tr.621.

² Viện ngôn ngữ học (2005), Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, tr.1025.

* Thạc sĩ, Khoa Pháp luật dân sự và Kiểm sát dân sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp³, đồng thời cụ thể hóa “nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” đã được Hiến pháp năm 2013 quy định⁴, BLTTDS năm 2015 đã sửa đổi nguyên tắc “Bảo đảm quyền tranh luận” trong Tố tụng dân sự thành nguyên tắc “Bảo đảm tranh tụng trong xét xử”. Với ý nghĩa là một nguyên tắc của luật Tố tụng dân sự, “bảo đảm tranh tụng trong xét xử” được coi là tư tưởng chủ đạo, định hướng chi phối các giai đoạn nhất định của quá trình TTDS. Thông qua việc bảo đảm tranh tụng trong TTDS, chủ thể tranh tụng được bình đẳng với nhau trong việc đưa ra yêu cầu, bày tỏ và bảo vệ yêu cầu của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà đỉnh điểm của quá trình này diễn ra tại phiên tòa xét xử vụ án. Điều này sẽ giúp tìm ra sự thật khách quan của vụ án để Tòa án đưa ra quyết định đúng đắn nhất, bảo vệ hữu hiệu quyền con người, quyền công dân.

Nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử được thể hiện tại Điều 24 BLTTDS năm 2015, theo đó:

“1. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật này.

2. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án

thụ lý vụ án dân sự và có nghĩa vụ thông báo cho nhau các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Bộ luật này.

3. Trong quá trình xét xử, mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai, trừ trường hợp không được công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này. Tòa án điều hành việc tranh tụng, hỏi những vấn đề chưa rõ và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định”.

Nội dung Điều 24 nguyên tắc này có những điểm chủ yếu như sau:

Thứ nhất, về thời điểm bảo đảm tranh tụng: Việc tranh tụng được bảo đảm thực hiện từ khi khởi kiện vụ án cho đến khi giải quyết xong vụ án; đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong các giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

Thứ hai, chủ thể tham gia tranh tụng: Khác với tố tụng hình sự (TTHS), bản chất của hoạt động tranh tụng trong TTHS là sự tranh luận qua lại giữa hai bên buộc tội và bào chữa để tìm ra sự thật của vụ án. Chính vì vậy, tranh tụng chỉ đặt ra giữa các bên buộc tội gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và bên bào chữa gồm bị can, bị cáo và/hoặc người bào chữa. Bản chất của TTDS là quan hệ tư, trong TTDS Tòa án chỉ giải quyết vụ án dân sự (VADS) trên cơ sở yêu cầu, có đơn khởi kiện của người khởi kiện. Chính vì vậy chủ thể tranh tụng trong TTDS là các đương sự: bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, BLTTDS còn quy định cơ chế hỗ trợ cho đương sự trong

³ Nghị quyết số: 49/TW Bộ chính trị: “Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”.

⁴ Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp 2013.

quá trình giải quyết vụ án dân sự, đó là sự tham gia của người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Trong trường hợp vụ án dân sự có sự tham gia của các chủ thể này thì đây cũng là chủ thể tranh tụng trong TTDS.

Thứ ba, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham ra tố tụng, đặc biệt là quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án, Viện kiểm sát trong việc bảo đảm tranh tụng trong TTDS.

Thứ tư, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các chứng cứ của vụ án phải được công khai trừ trường hợp không được công khai, quy định tại khoản 2 Điều 109 BLTTDS năm 2015. Các đương sự đều có quyền được biết, ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập (trừ tài liệu, chứng cứ không được công khai), được trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phải bảo đảm các đương sự thực hiện việc tranh tụng, chỉ hỏi những vấn đề mà người tham gia tố tụng trình bày chưa rõ. Trong trường hợp cần thiết phải có thời gian thu thập thêm chứng cứ để đủ cơ sở giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định.

Trên cơ sở của nguyên tắc này, BLTTDS năm 2015 đã bổ sung nhiều quy định nhằm bảo đảm thực hiện tranh tụng như:

- Quy định về thời hạn giao nộp chứng cứ của đương sự theo quy định tại Khoản 4

Điều 96 BLTTDS năm 2015, theo đó: “*Thời hạn giao nộp tài liệu, chứng cứ do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc ấn định nhưng không được vượt quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị giải quyết việc dân sự theo quy định của Bộ luật này*”;

- Quy định về việc thông báo chứng cứ của vụ việc cho nhau giữa các đương sự theo khoản 5 Điều 96 BLTTDS năm 2015: “*Khi đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì họ phải sao gửi tài liệu, chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này hoặc tài liệu, chứng cứ không thể sao gửi được thì phải thông báo bằng văn bản cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự khác*”.

- Quy định về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Theo đó, BLTTDS năm 2015 đã bổ sung các quy định về thông báo, thành phần, trình tự và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ từ Điều 208 đến Điều 211 BLTTDS năm 2015. Đây là phương thức để bảo đảm các đương sự được quyền biết và tiếp cận tất cả tài liệu, chứng cứ; trao đổi chứng cứ, bổ sung tài liệu, chứng cứ (nếu có), xác định những chứng cứ đã giao nộp..., giúp cho đương sự có đủ điều kiện chuẩn bị việc tranh tụng tại phiên tòa.

- Quy định về các biện pháp thu thập chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức tại khoản 1 Điều 97 BLTTDS năm 2015. Quy định này đã thể hiện được quyền và vai trò của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của đương sự, bởi vì nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh trong TTDS thuộc về đương sự.

- Đổi mới thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo hướng bảo đảm tranh tụng: Đề cao

vai trò của các bên đương sự, theo đó bổ nguyên tắc xét xử liên tục, đồng thời quy định cụ thể về căn cứ, thủ tục tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm theo Điều 259 BLTTDS năm 2015; Sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục phiên tòa theo hướng tăng cường tranh tụng như sửa đổi trình tự diễn ra phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, theo đó đương sự được trình bày yêu cầu và chứng cứ, tham gia hỏi, tham gia phát biểu tranh luận và đối đáp; Điều 249 BLTTDS năm 2015, thứ tự hỏi đã có sự thay đổi tạo sự chủ động cho các đương sự, theo đó đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự hỏi trước sau đó mới đến Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên; bổ sung nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa theo Điều 247; bổ sung quy định tại Điều 255 quy định tại phần hỏi, theo yêu cầu của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người tham gia tố tụng khác, Kiểm sát viên Viện kiểm sát hoặc khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử (HĐXX) cho nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm, xem băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác chứa âm thanh, hình ảnh tại phiên tòa, trừ trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 254 BLTTDS năm 2015. Quy định này nhằm đảm bảo tranh tụng, bảo đảm cho việc xem xét vụ án khách quan, toàn diện, tạo điều kiện cho đương sự cung cấp chứng cứ, chứng minh tại phiên tòa...

Những sửa đổi, bổ sung trên đã góp phần bảo đảm tranh tụng trong TTDS, đề cao vai trò của các bên đương sự - chủ thể tranh tụng, giúp cho các bên đương sự có những điều kiện thuận lợi nhất, bình đẳng nhất khi tham gia vào quá trình tranh tụng tại Tòa án.

2. Việc bảo đảm tranh tụng trong xét xử vụ án dân sự của Viện kiểm sát nhân dân

Phải khẳng định rằng, khác với TTDS,

trong TTDS, Viện kiểm sát chỉ thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Sự tham gia của Viện kiểm sát trong tố tụng dân sự với tư cách là một cơ quan tiến hành tố tụng, độc lập với Tòa án. Trong bảo đảm tranh tụng, Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động tố tụng dân sự nhằm phát hiện những hành vi xâm phạm quyền tranh tụng của đương sự để có thể phát hiện ngăn chặn kịp thời, góp phần tạo môi trường tố tụng an toàn, bảo đảm quyền tranh tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án và những người tham gia tố tụng là để “*hỗ trợ cho việc thực hiện chức năng xét xử của Tòa án*”⁵, bảo đảm Tòa án giải quyết vụ án dân sự khách quan, công bằng, chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm đương sự thực hiện hiệu quả quyền tranh tụng theo đúng quy định của pháp luật, chứ không phải kiểm sát là can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án. Với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, theo đó, Viện kiểm sát kiểm sát hoạt động tranh tụng của các bên đương sự cũng như kiểm sát xem Tòa án có thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của người điều khiển quá trình tranh tụng không. Khi thực hiện chức năng này, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

Thứ nhất, kiểm sát chặt chẽ việc tuân theo pháp luật nhằm bảo đảm tranh tụng trong TTDS như: Kiểm sát chặt chẽ việc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu; kiểm sát việc thụ lý vụ việc dân sự; kiểm sát việc Tòa án xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, kiểm sát kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

⁵ Nguyễn Thái Phúc (2005), “Những chức năng cơ bản trong tố tụng dân sự”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (12), tr.48.

chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa, phiên họp; kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng tại phiên tòa, phiên họp, kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án... Điều này sẽ góp phần bảo đảm cho các chủ thể tranh tụng thực hiện được quyền tranh tụng của mình như: Bảo đảm quyền đưa ra yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của đương sự; bảo đảm các đương sự được biết về tài liệu, chứng cứ do người khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập để có thể chuẩn bị và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đó để chứng minh cho yêu cầu hoặc sự phản đối yêu cầu của mình là hợp lý; bảo đảm quyền thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu của đương sự; bảo đảm quyền được tham gia tranh tụng tại phiên tòa: được trình bày, hỏi, tranh luận, đối đáp, trả lời... giữa các đương sự, để thông qua quá trình tranh tụng, sự thật khách quan của vụ án được làm sáng tỏ; Bảo đảm Tòa án thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn không xâm phạm và tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự thực hiện quyền tranh tụng của mình tại phiên tòa... để Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả của quá trình tranh tụng ra bản án, quyết định đúng đắn, khách quan.

Thứ hai, trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm sát, nếu phát hiện vi phạm của các chủ thể trong hoạt động tranh tụng thì tùy từng trường hợp cụ thể, Viện kiểm sát thực hiện quyền yêu cầu, quyền kiến nghị, quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật như: Quyền yêu cầu Tòa án xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự hoặc tự mình xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc thực hiện quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục phúc thẩm,

giám đốc thẩm, tái thẩm; yêu cầu Tòa án thực hiện đúng các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo quy định của BLTTDS năm 2015 như yêu cầu Hội đồng xét xử công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án; cho nghe băng ghi âm, đĩa ghi âm, xem băng ghi hình, đĩa ghi hình, thiết bị khác chứa âm thanh, hình ảnh tại phiên tòa; yêu cầu hỏi về các vấn đề cần thiết khi các tình tiết của vụ án chưa được xem xét đầy đủ, yêu cầu Thẩm phán tuân thủ thứ tự hỏi, tranh luận, không hạn chế thời gian tranh tụng, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh tụng trình bày hết ý kiến... Điều này, sẽ góp phần bảo đảm cho các chủ thể tranh tụng thực hiện được quyền tranh tụng của mình.

Đặc biệt, tranh tụng thể hiện rõ nét nhất tại phiên tòa khi các đương sự đối diện trực tiếp trình bày, tranh luận, đối đáp... với nhau. Ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn đã nêu trên, tại phiên tòa, Kiểm sát viên còn thực hiện các quyền sau:

- Kiểm sát viên tham gia hỏi tại phiên tòa: Theo quy định, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hỏi sau khi đương sự và HĐXX đã hỏi xong. Việc Kiểm sát viên hỏi tại phiên tòa sẽ góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Thực tế cho thấy, mặc dù pháp luật quy định các đương sự có thể hỏi nhau nhưng do hạn chế về trình độ, kiến thức pháp luật nên đôi khi đương sự không thể biết hết được tình tiết nào cần làm rõ và phải hỏi cách nào để thu thập được những thông tin hữu ích nhất, bảo vệ tối ưu quyền và lợi ích hợp pháp. Việc hỏi của HĐXX có thể sẽ phiến diện theo nhận định chủ quan của các thành viên HĐXX, từ đó dẫn tới việc đánh giá thiếu khách quan, toàn diện về các tình tiết cần làm sáng tỏ của vụ án. Vì vậy, pháp luật tố tụng dân sự mở ra cơ chế giám sát của Viện kiểm sát trong thủ

tục hỏi tại phiên tòa để bảo đảm thực hiện được các quyền của đương sự trong đó bảo đảm quyền tranh tụng của đương sự, trong điều kiện tối ưu nhất. Và đặc biệt tại phiên tòa, phiên họp, Kiểm sát viên tham gia hỏi đương sự và những người tham gia tố tụng khác sẽ bảo đảm mọi tài liệu, chứng cứ được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, công khai.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa, cụ thể là:*

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài nội dung quy định tại Điều 234 của BLTTDS năm 2011 là tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì BLTTDS năm 2015 đã bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên còn phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án (Điều 262 BLTTDS năm 2015).

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi kết thúc việc tranh luận và đối đáp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết VADS ở giai đoạn phúc thẩm (Điều 306 BLTTDS năm 2015). Trong giai đoạn này, Viện kiểm sát không chỉ kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng mà Viện kiểm sát còn kiểm sát các bản án, quyết định sơ thẩm và bảo vệ quan điểm kháng nghị của mình khi Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị.

+ Tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm, theo Điều 341 BLTTDS năm 2015 thì đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung kháng nghị, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về quyết định kháng nghị và việc giải

quyết vụ án.

Việc đại diện Viện kiểm sát tham gia phát biểu quan điểm của mình tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm giúp đương sự biết được quá trình tranh tụng có được diễn ra theo đúng trật tự, quy định của pháp luật hay không, quyền và lợi ích của mình có được Tòa án bảo đảm trong suốt quá trình tranh tụng hay không. Điều này giúp cho đương sự, Hội đồng xét xử có thêm một “kênh thông tin” về hướng giải quyết vụ án để Tòa án có thể ra phán quyết có căn cứ và đúng pháp luật.

Như vậy, thông qua quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và việc thực hiện các quyền mà pháp luật quy định, Viện kiểm sát góp phần bảo đảm cho quá trình tranh tụng của đương sự được diễn ra theo đúng trật tự; bảo đảm các đương sự được trình bày, tranh luận, đối đáp, đưa ra các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình hoặc phản đối yêu cầu của người khác... bảo đảm HĐXX, đặc biệt là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải tôn trọng, chủ trì và điều khiển quá trình tranh tụng theo đúng quy định của pháp luật, không được hạn chế về mặt thời gian cũng như tạo điều kiện cho các đương sự được trình bày, được hỏi, được tranh luận... Điều này sẽ giúp cho quá trình tranh tụng đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, với vai trò là cơ quan tiến hành kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự nói chung và trong suốt quá trình tranh tụng nói riêng, Viện kiểm sát bảo đảm cho hoạt động tranh tụng được diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án để Tòa án dựa trên kết quả của quá trình tranh tụng đưa ra được phán quyết đúng đắn, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự./.